

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Kế hoạch cải cách hành chính tỉnh Hà Giang năm 2019

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị quyết số 30c/NQ-CP, ngày 08/01/2011 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011-2020;

Căn cứ Quyết định số 225/QĐ-TTg, ngày 04/02/2016 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Kế hoạch cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Quyết định số 2052/QĐ-UBND, ngày 20/10/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh về ban hành kế hoạch cải cách hành chính tỉnh Hà Giang giai đoạn II (2016-2020);

Xét đề nghị của Trưởng Ban Tổ chức - Nội vụ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch cải cách hành chính nhà nước tỉnh Hà Giang năm 2019, gồm những nội dung chủ yếu sau đây:

I. MỤC TIÊU, YÊU CẦU

1. Mục tiêu

a) Tiếp tục đẩy mạnh triển khai thực hiện Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011 - 2020 theo Nghị quyết số 30c/NQ-CP của Chính phủ, đảm bảo hoàn thành cơ bản các mục tiêu, nhiệm vụ cải cách hành chính nhà nước trong giai đoạn II (2016 - 2020). Trong đó, tập trung thực hiện cải cách thể chế; xây dựng, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; nâng cao chất lượng dịch vụ hành chính và chất lượng dịch vụ công.

b) Gắn kết công tác cải cách hành chính của các sở, ngành và địa phương; tăng cường trách nhiệm của các cá nhân, cơ quan, đơn vị và người đứng đầu cơ quan hành chính nhà nước các cấp trong việc triển khai nhiệm vụ cải cách hành chính. Nâng cao chất lượng, hiệu quả của cải cách hành chính để phục vụ cho mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

2. Yêu cầu

a) Nâng cao chất lượng toàn diện triển khai cải cách hành chính tại cơ quan hành chính nhà nước các cấp từ tỉnh đến cơ sở đáp ứng yêu cầu của thời kỳ mới.

b) Gắn kết chặt chẽ việc triển khai các nhiệm vụ, đề án, dự án cải cách hành chính; tăng cường chỉ đạo, phối hợp giữa các sở, ngành và địa phương trong thực



hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính năm 2019, bảo đảm chất lượng, hiệu quả trên cơ sở thực hiện đầy đủ các nhóm giải pháp quy định tại Nghị quyết 30c/NQ-CP ngày 08/11/2011 của Chính phủ.

c) Đôn đốc triển khai có kết quả các nhiệm vụ trọng tâm trong cải cách hành chính năm 2019, bảo đảm nâng cao năng lực, kỹ năng thực thi công vụ, ý thức trách nhiệm, đạo đức công vụ, đạo đức nghề nghiệp; cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh.

d) Xác định rõ trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan hành chính nước tại các sở, ngành và địa phương trong quá trình triển khai thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính.

đ) Tiếp tục phấn đấu trụ và thăng hạng bền vững Chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX), Chỉ số hài lòng (SIPAS); cải thiện và nâng cao Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh (PAPI), Chỉ số sẵn sàng cho phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin (ICT INDEX).

e) Gắn kết quả thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính với công tác đánh giá đảng viên, cán bộ công chức và công tác thi đua, khen thưởng.

II. NHIỆM VỤ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

1. Công tác chỉ đạo, điều hành

a) Tăng cường năng lực chỉ đạo, điều hành gắn với đẩy mạnh tham mưu, tổng hợp, triển khai thực hiện các nội dung, nhiệm vụ của Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ. Thực hiện nghiêm túc Chỉ thị 07/CT-TTg ngày 22/5/2013 của Thủ tướng Chính phủ về đẩy mạnh thực hiện Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011 - 2020 và các chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ về đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính trên một số lĩnh vực trọng tâm.

b) Tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 12/4/2016 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh Hà Giang về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác cải cách hành chính giai đoạn 2016-2020 (*sau đây gọi tắt là Nghị quyết số 04 - NQ/TU của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh*) và Quyết định số 3183/QĐ-UBND ngày 20/12/2016 của UBND tỉnh về việc ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 04 - NQ/TU của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh (*sau đây gọi tắt là Quyết định số 3183/QĐ-UBND ngày 20/12/2016 của UBND tỉnh*).

c) Tăng cường công tác theo dõi, đánh giá, lấy ý kiến của người dân, tổ chức về kết quả cải cách hành chính. Triển khai xác định và công bố Chỉ số cải cách hành chính hàng năm của các sở, ngành, UBND cấp huyện, UBND cấp xã. Triển khai xác định và công bố Chỉ số hài lòng về sự phục vụ hành chính; Chỉ số hài lòng về chất lượng y tế công; Chỉ số hài lòng về chất lượng giáo dục công lập.

d) Tiếp tục thực hiện Kế hoạch triển khai Đề án của Bộ Nội vụ về tăng cường năng lực đội ngũ công chức thực hiện công tác cải cách hành chính tỉnh Hà Giang giai đoạn 2016-2020.

đ) Tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền các nội dung về cải cách hành chính theo quyết định số 2506/QĐ-UBND ngày 12/11/2018 của UBND tỉnh, tạo sự đồng thuận của cả hệ thống chính trị và nhân dân các dân tộc trong tỉnh trong thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính tại địa phương.

e) Siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính, nâng cao đạo đức công vụ; sắp xếp tinh gọn tổ chức bộ máy gắn với tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức theo Chương trình số 41-CTr/TU ngày 25/5/2018 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh Hà Giang thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban chấp hành Trung ương khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Hà Giang (sau đây gọi tắt là *Chương trình số 41-CTr/TU ngày 25/5/2018 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh Hà Giang*); Kế hoạch số 296-KH/TU ngày 09/3/2018 của Tỉnh ủy Hà Giang triển khai Đề án cụ thể hóa Nghị quyết số 18-NQ/TW, ngày 25/10/2017 Nghị quyết Hội nghị lần thứ sáu, Ban chấp hành Trung ương khóa XII (sau đây gọi tắt là *Kế hoạch số 296-KH/TU ngày 09/3/2018 của Tỉnh ủy Hà Giang*); Kế hoạch số 351-KH/TU ngày 21/8/2018 của Tỉnh ủy Hà Giang về việc thực hiện Kết luận số 34-KL/TW ngày 07/8/2018 của Bộ Chính trị về thực hiện một số mô hình thí điểm theo Nghị quyết số 18-NQ/TW (sau đây gọi tắt là *Kế hoạch số 351-KH/TU ngày 21/8/2018 của Tỉnh ủy Hà Giang*); Kế hoạch số 208/KH-UBND ngày 17/7/2018 của UBND tỉnh Hà Giang về cải thiện, nâng cao chỉ số hiệu quả Quản trị và Hành chính công của tỉnh Hà Giang giai đoạn 2018-2020.

f) Tăng cường kiểm tra, thanh tra công vụ, kiểm tra công tác cải cách hành chính tại các cơ quan, đơn vị, địa phương nhằm chấn chỉnh việc chấp hành kỷ luật và kỷ cương đối với đội ngũ cán bộ, công chức viên chức.

g) Gắn công tác cải cách hành chính với thực hiện quy chế dân chủ, công tác dân vận chính quyền; bảo đảm công khai, minh bạch; thực hiện nghiêm túc việc đối thoại giữa các cơ quan Đảng, chính quyền với người dân và doanh nghiệp theo quy định.

2. Cải cách thể chế

a) Tổ chức thực hiện rà soát, hệ thống hóa, kiểm tra, tự kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật đảm bảo đồng bộ, hợp hiến, hợp pháp và tính khả thi. Kịp thời phát hiện những hạn chế bất cập để kịp thời sửa đổi, bổ sung cho phù hợp, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước. Theo dõi thi hành pháp luật.

b) Đổi mới và nâng cao chất lượng công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, đảm bảo tính hợp pháp, đồng bộ, thống nhất.

c) Xây dựng, cụ thể hóa các quy định pháp luật về mối quan hệ giữa các cơ quan Nhà nước và nhân dân, bảo đảm và phát huy quyền làm chủ của nhân dân, lấy ý kiến của nhân dân trước khi quyết định các chủ trương, chính sách quan trọng và quyền giám sát của nhân dân đối với hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước.

d) Tiếp tục triển khai thực hiện Chương trình nâng cao hiệu quả công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật giai đoạn 2016-2020 theo Quyết định số 268/QĐ-UBND, ngày 27/02/2017 của UBND tỉnh.

đ) Chủ động phân tích, dự báo tác động của chính sách, pháp luật đối với đời sống xã hội; tính liên kết giữa các khâu trong quá trình xây dựng, thẩm định, kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật; kết hợp kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật với công tác theo dõi thi hành pháp luật.

3. Cải cách thủ tục hành chính

a) Tổ chức thực hiện có hiệu quả Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015; thực hiện kiểm soát chặt chẽ việc quy định thủ tục hành chính ngay từ khâu dự thảo; thực hiện nghiêm túc trách nhiệm người đứng đầu trong công tác cải cách thủ tục hành chính theo đúng Chỉ thị số 13/CT-TTg ngày 10/6/2015 của Thủ tướng Chính phủ và Chỉ thị số 1338/CT-UBND, ngày 21/7/2015 của UBND tỉnh về tăng cường trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan hành chính nhà nước các cấp trong công tác cải cách thủ tục hành chính.

b) Đẩy mạnh đơn giản hóa thủ tục hành chính, cắt giảm chi phí tuân thủ thủ tục hành chính trên tất cả các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, xã hội; ưu tiên các thủ tục hành chính phục vụ hội nhập kinh tế quốc tế, thủ tục hành chính trên một số lĩnh vực trọng tâm: Đầu tư; đất đai; xây dựng; sở hữu nhà ở; thuế; hải quan; xuất khẩu; nhập khẩu; y tế; tiếp cận điện năng; quản lý thị trường, bảo đảm điều kiện thuận lợi cho sự phát triển của các thành phần kinh tế trong môi trường kinh doanh thông thoáng, bình đẳng, góp phần giải phóng nguồn lực xã hội, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và áp dụng quy trình liên thông nhằm rút ngắn thời gian giải quyết TTHC, tăng cường cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4; mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp về giải quyết thủ tục hành chính đạt từ 75% trở lên.

c) Tăng cường xây dựng và hoàn thiện các hình thức công khai, minh bạch tất cả các thủ tục hành chính; chú trọng việc công bố thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý hoặc thẩm quyền giải quyết của các sở, ngành, địa phương; công khai thủ tục hành, chính trên cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính và trên trang thông tin điện tử; niêm yết thủ tục hành chính tại Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh, bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện, cấp xã.

d) Thực hiện tốt công tác tiếp nhận, xử lý, phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính và tình hình, kết quả giải quyết thủ tục hành chính tại các ngành, các cấp.

đ) Xây dựng Đề án đơn giản hóa chế độ báo cáo trong hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước; nghiên cứu, nhân rộng mô hình hay, cách làm mới trong thực hiện cải cách thủ tục hành chính trên phạm vi toàn tỉnh.

e) Tiếp tục tổ chức thực hiện có kết quả Đề án Tổng thể đơn giản hóa thủ tục hành chính, giấy tờ công dân và các cơ sở dữ liệu liên quan đến quản lý dân cư giai đoạn 2013 - 2020.

f) Tập trung cải cách thủ tục hành chính trong nội bộ các cơ quan nhà nước, tổ chức sự nghiệp công lập, dịch vụ công và các thủ tục hành chính liên thông giữa các cơ quan hành chính nhà nước các cấp; triển khai thực hiện đồng bộ, hiệu quả cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông tại cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương.

4. Cải cách tổ chức bộ máy

a) Tiếp tục rà soát vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức và biên chế của các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, cấp huyện; sắp xếp, kiện toàn các cơ quan, đơn vị đảm bảo tinh gọn, hiệu quả theo Kế hoạch số 296-KH/TU ngày 09/3/2018 của Tỉnh ủy Hà Giang; Kế hoạch số 351-KH/TU ngày 21 tháng 8 năm 2018 của Tỉnh ủy Hà Giang; Chương trình số 41-CTr/TU ngày 25/5/2018 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh Hà Giang.

b) Trình HĐND tỉnh xem xét quyết nghị phương án hợp nhất một số thôn, tổ dân phố; xã, phường, thị trấn không đủ quy mô số hộ gia đình theo Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31/8/2012 và Thông tư số 09/2017/TT-BNV ngày 29/12/2017 của Bộ Nội vụ.

c) Quy định chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị sau khi Chính phủ có nghị định thay thế nghị định số 24/2014/NĐ-CP và nghị định số 37/2014/NĐ-CP ngày 05/5/2014 của Chính phủ. Xây dựng quy chế hoặc sửa đổi quy chế làm việc của các cơ quan, đơn vị theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

d) Thực hiện có hiệu quả những quy định về phân cấp giữa Trung ương và địa phương, triển khai thực hiện quy định về phân cấp của tỉnh trên các lĩnh vực cụ thể; đề cao vai trò chủ động, tinh thần trách nhiệm, nâng cao năng lực của từng cấp, từng ngành.

đ) Tiếp tục cải cách và triển khai trên diện rộng cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị sự nghiệp dịch vụ công; bảo đảm sự hài lòng của cá nhân đối với dịch vụ do đơn vị sự nghiệp công cung cấp trong các lĩnh vực giáo dục, y tế đạt từ 75% trở lên.

e) Tiếp tục rà soát, quy hoạch mạng lưới các đơn vị sự nghiệp công lập theo ngành, lĩnh vực. Xếp hạng, phân loại đơn vị sự nghiệp để thực hiện các hình thức chuyển đổi phù hợp (hoạt động theo mô hình doanh nghiệp, cổ phần hóa, hợp tác công tư...). Đẩy mạnh xã hội hóa các đơn vị sự nghiệp công lập có khả năng tự bảo đảm toàn bộ chi phí hoạt động (cơ sở dạy nghề, bệnh viện...) theo hướng tiếp tục đẩy mạnh việc giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tài chính, nhân sự và khuyến khích thành lập các tổ chức cung ứng dịch vụ công thuộc các thành phần ngoài nhà nước, nhất là lĩnh vực giáo dục - đào tạo, y tế, khoa học và công nghệ. Nghiên cứu, thí điểm lập dự án kêu gọi đầu tư xây dựng cơ sở giáo dục tư thục hoặc dân lập; thí điểm chuyển đổi 02 cơ sở giáo dục công lập có đủ điều kiện tự chủ một phần về tài chính. Tăng cường kiểm tra, giám sát của các cơ quan nhà nước và nhân dân đối với hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập.

5. Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức

a) Tiếp tục đẩy mạnh cải cách chế độ công vụ, công chức, xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có số lượng, cơ cấu hợp lý, đủ trình độ và năng lực thi hành công vụ, phục vụ nhân dân và phục vụ sự nghiệp phát triển của đất nước. 100% các cơ quan hành chính nhà nước có cơ cấu cán bộ, công chức theo vị trí việc làm.

b) Đề cao trách nhiệm và đạo đức công vụ, trách nhiệm xã hội, siết chặt kỷ luật, kỷ cương trong chỉ đạo, điều hành và thực thi công vụ của cán bộ, công chức. Thực hiện tốt Quy định số 65-QĐ/TW ngày 03/02/2017 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về chỉ đạo, định hướng cung cấp thông tin tuyên truyền phòng, chống tham nhũng, cấp cấp đầy đủ thông tin về quan điểm chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về phòng chống, tham nhũng; Quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức, viên chức làm việc trong hệ thống chính trị theo Quyết định số 1829/QĐ-UBND ngày 07/9/2018 của UBND tỉnh._____

c) Bổ sung và hoàn thiện các chức danh, tiêu chuẩn nghiệp vụ của công chức, viên chức.

d) Đổi mới phương thức tuyển dụng công chức, viên chức về quy trình, thẩm quyền, trách nhiệm và có quy định về xử lý các vi phạm; tổ chức thí điểm đổi mới phương thức tuyển chọn lãnh đạo, quản lý.

đ) Đổi mới công tác thống kê, báo cáo và quản lý hồ sơ công chức, viên chức.

e) Triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết 39-NQ/TW ngày 17/4/2015 của Bộ Chính trị về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; Chương trình 15-CTr/TU, ngày 19/4/2016 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hà Giang thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 17/4/2015 của Bộ Chính trị; Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế và Nghị định số 113/2018/NĐ-CP ngày 31/8/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ. Tiếp tục thực hiện chính sách tinh giản biên chế công chức hành chính, số lượng người làm việc và hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/NĐ-CP trong các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh theo Kế hoạch số 182/KH-UBND ngày 13/6/2018 của UBND tỉnh Hà Giang, giai đoạn 2015-2021 và Nghị quyết số 16/2018/NQ-HĐND ngày 10/7/2018 của HĐND tỉnh về việc hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức, lao động hợp đồng tự nguyện thôi việc, nghỉ công tác chờ đủ tuổi nghỉ hưu.

f) Nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức. Rà soát lại các chương trình đào tạo cán bộ, công chức, viên chức, loại bỏ những nội dung đào tạo trùng lặp, để công tác đào tạo, bồi dưỡng mang lại lợi ích thiết thực, không lãng phí. Tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về chất lượng và hiệu quả đào tạo, bồi dưỡng, góp phần xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức chuyên nghiệp, có đủ phẩm chất, trình độ và năng lực, đáp ứng yêu cầu phục vụ nhân dân, sự nghiệp phát triển của đất nước và hội nhập quốc tế. Có hệ thống chính

sách khuyến khích cán bộ, công chức, viên chức học tập và tự học, không ngừng nâng cao trình độ và năng lực thực hiện nhiệm vụ, công vụ được giao.

g) Tổ chức thực hiện việc đánh giá, phân loại cán bộ, công chức, viên chức theo các quy định của pháp luật, gắn với các nội dung khác của công tác quản lý cán bộ, công chức, viên chức.

h) Áp dụng công nghệ thông tin, các mô hình, phương pháp, công nghệ hiện đại trong công tác tuyển dụng, nâng ngạch, thăng hạng, đánh giá cán bộ, công chức, viên chức.

6. Cải cách tài chính công

a) Kiểm soát chặt chẽ ngân sách nhà nước chi thường xuyên và đầu tư công.

b) Tiếp tục đổi mới cơ chế, chính sách tài chính đối với doanh nghiệp nhà nước; quản lý, sử dụng các khoản vay lại Chính phủ, đảm bảo hạn mức nợ công theo quy định.

c) Đổi mới căn bản cơ chế sử dụng kinh phí nhà nước và cơ chế xây dựng, triển khai các nhiệm vụ khoa học, công nghệ theo hướng lấy mục tiêu và hiệu quả ứng dụng là tiêu chuẩn hàng đầu. Phát triển các doanh nghiệp khoa học và công nghệ.

d) Đẩy mạnh xã hội hóa, hoàn thiện thể chế và khuyến khích đầu tư theo hình thức công - tư (PPP) đối với việc cung cấp dịch vụ công trong y tế, giáo dục - đào tạo, văn hóa, thể thao, các công trình dự án cơ sở hạ tầng.

đ) Tiếp tục phối hợp với các đơn vị dự toán cấp I và đơn vị dự toán trực thuộc triển khai thực hiện Quyết định số 2272/QĐ-UBND ngày 01/11/2017 của UBND tỉnh về Đề án đổi mới công tác quản lý tài chính các đơn vị dự toán khối tỉnh giai đoạn 2018-2020. Báo cáo sơ kết tình hình các đơn vị thực hiện “Đề án đổi mới công tác quản lý tài chính các đơn vị dự toán khối tỉnh giai đoạn 2018-2020”.

e) Triển khai có hiệu quả cơ chế tự chủ đối với cơ quan, đơn vị sự nghiệp công lập. Tiếp tục phối hợp với các sở, ngành thực hiện Kế hoạch số 78/KH-UBND ngày 07/3/2018 của UBND tỉnh tổ chức thực hiện Nghị định số 16/2015/NĐ-CP của Chính phủ về cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập giai đoạn 2018-2020. Đánh giá kết quả hoạt động SXKD dịch vụ của các đơn vị sự nghiệp công lập để đề xuất mức độ tự chủ trong năm 2020 cũng giai đoạn tiếp theo cho phù hợp với thực tiễn, giảm dần kinh phí từ NSNN.

f) Tiếp tục tham mưu cho UBND tỉnh: Phê duyệt giá trị chuyển đổi cổ phần hóa; Phương án cổ phần hóa và kết quả bán đấu giá cổ phần tại 4 đơn vị sự nghiệp công lập; Thực hiện thoái vốn nhà nước tại các Công ty cổ phần nhà nước đang nắm giữ vốn điều lệ theo Quyết định 1232/QĐ-TTg ngày 17/8/2017 của Thủ tướng Chính phủ.

7. Hiện đại hóa hành chính

a) Triển khai xây dựng Chính quyền điện tử theo Nghị quyết 36a/NQ-CP ngày 14/10/2015 của Chính phủ và Quyết định số 1819/QĐ-TTg ngày

26/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình quốc gia về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước giai đoạn 2016 - 2020; Quyết định số 2183/QĐ-UBND ngày 26/10/2017 của UBND tỉnh phê duyệt kiến trúc chính quyền điện tử tỉnh Hà Giang; Quyết định số 2453/QĐ-UBND ngày 02/11/2018 của UBND tỉnh Phê duyệt Đề án xây dựng đô thị thông minh thành phố Hà Giang đến năm 2020. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin - truyền thông trong quy trình xử lý công việc của từng cơ quan hành chính nhà nước, giữa các cơ quan hành chính nhà nước với nhau và trong giao dịch với tổ chức, cá nhân. Phát triển, tích hợp, kết nối các hệ thống thông tin quy mô quốc gia, tạo lập môi trường mạng, chia sẻ thông tin rộng khắp giữa các cơ quan nhà nước.

b) Phát triển các hệ thống thông tin thiết yếu cho công tác ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ người dân và doanh nghiệp; bảo đảm triển khai đồng bộ với việc phát triển các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu quy mô quốc gia; thống nhất ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả, toàn diện tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông; tăng cường kết nối, chia sẻ thông tin, trao đổi, xử lý hồ sơ qua mạng.

c) Nâng cao chất lượng phục vụ và tính công khai, minh bạch trong hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước thông qua đẩy mạnh cung cấp dịch vụ công trực tuyến cho người dân, tổ chức; cung cấp các dịch vụ công cơ bản trực tuyến mức độ 3, 4, đáp ứng nhu cầu thực tế, phục vụ cá nhân và tổ chức mọi lúc, mọi nơi, dựa trên nhiều phương tiện khác nhau. Ứng dụng công nghệ thông tin để giảm thời gian, số lần trong một năm cá nhân, tổ chức phải đến trực tiếp cơ quan nhà nước thực hiện các thủ tục hành chính.

Mục tiêu cụ thể năm 2019: 15% hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý trực tuyến tại mức độ 4; 95% hồ sơ khai thuế của doanh nghiệp được nộp qua mạng; 90% số doanh nghiệp thực hiện nộp thuế qua mạng; 90% cơ quan, tổ chức thực hiện giao dịch điện tử trong việc thực hiện thủ tục tham gia Bảo hiểm xã hội; tỷ lệ cấp đăng ký doanh nghiệp qua mạng đạt 20%; tỷ lệ cấp giấy chứng nhận đầu tư qua mạng đạt 10%.

d) Kết hợp chặt chẽ với triển khai các nội dung cải cách hành chính để ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước có tác dụng thực sự thúc đẩy cải cách hành chính. Ứng dụng hiệu quả công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước nhằm tăng tốc độ xử lý công việc, giảm chi phí hoạt động.

đ) Nâng cao chất lượng chỉ đạo, điều hành hoạt động của cơ quan hành chính thông qua việc sử dụng hiệu quả mạng thông tin điện tử hành chính.

- Phân đầu 87% văn bản không mật trình UBND tỉnh, chủ tịch UBND tỉnh sử dụng dưới dạng điện tử (bao gồm các văn bản trình song song cùng văn bản giấy); 85% văn bản trao đổi giữa các cơ quan nhà nước dưới dạng điện tử (bao gồm các văn bản trình song song cùng văn bản giấy); 52% văn bản trao đổi giữa các cơ quan hoàn toàn dưới dạng điện tử và có ứng dụng chữ ký số (không gửi văn bản giấy);

- Duy trì, cập nhật 100% các dịch vụ công được cung cấp trực tuyến đạt mức độ 3, 4 phục vụ người dân và doanh nghiệp;

- 79% thông tin chỉ đạo điều hành, văn bản chỉ đạo điều hành, văn bản quy phạm pháp luật của tỉnh được cung cấp trên cổng/trang thông tin điện tử của các cơ quan nhà nước; 90% các cuộc họp giữa UBND tỉnh với UBND cấp huyện, các xã biên giới thực hiện trên môi trường trực tuyến;

- Phủ sóng Wifi công cộng tới 80% điểm du lịch tại trung tâm thành phố Hà Giang, các điểm thăm quan du lịch thuộc Công viên địa chất toàn cầu cao nguyên đá Đồng Văn.

e) Duy trì thực hiện có hiệu quả Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015 tại 65 cơ quan đơn vị và 113 xã đã triển khai áp dụng, tiếp tục triển khai thực hiện quy trình ISO 9001:2015 tại 82 xã còn lại thuộc các huyện, ưu tiên triển khai ISO điện tử.

f) Đánh giá, điều chỉnh phương thức hoạt động của Trung tâm phục vụ hành chính của tỉnh để phục vụ người dân, tổ chức và doanh nghiệp ngày một tốt hơn. Tiếp tục đầu tư xây dựng trụ sở cơ quan hành chính, đặc biệt là trụ sở cấp xã.

III. KINH PHÍ BẢO ĐẢM

1. Kinh phí thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính của các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố áp dụng theo Thông tư số 172/2012/TT-BTC, ngày 22/10/2012 của Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo đảm công tác cải cách hành chính nhà nước và Nghị quyết số 52/2016/NQ-HĐND, ngày 11/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Giang quy định mức chi bảo đảm công tác cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh Hà Giang.

2. Kinh phí thực hiện nhiệm vụ của cơ quan Thường trực cải cách hành chính tỉnh bố trí trong dự toán tỉnh giao năm 2019 cho Văn phòng Tỉnh ủy (*Ban Tổ chức – Nội vụ*) tại Quyết định giao dự toán đầu năm.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các sở, ban, ngành; các cơ quan ngành dọc Trung ương tại tỉnh, UBND các huyện, thành phố

a) Trên cơ sở Kế hoạch cải cách hành chính năm 2019, Quyết định số 3183/QĐ-UBND ngày 20/12/2016 của UBND tỉnh, Kế hoạch 208/KH-UBND ngày 17/7/2018 của UBND tỉnh cải thiện, nâng cao chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công tỉnh Hà Giang giai đoạn 2018-2020, Giám đốc các sở, ngành và tương đương, Thủ trưởng các cơ quan ngành dọc Trung ương tại tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố và các cơ quan liên quan cụ thể hóa thành các nhiệm vụ trong kế hoạch công tác năm 2019 để triển khai thực hiện phù hợp yêu cầu thực tế của các sở, ngành, địa phương; định kỳ báo cáo theo quy định của UBND tỉnh.

b) Chủ động chỉ đạo, đôn đốc các cơ quan, đơn vị trực thuộc triển khai thực hiện kế hoạch cải cách hành chính năm 2019 của sở, ngành, địa phương.

c) Các sở, ngành tăng cường phối hợp, đôn đốc các huyện, thành phố triển khai thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của sở, ngành mình. Chủ động đề xuất với Chủ tịch UBND tỉnh, Ban Chỉ đạo cải

cách hành chính tỉnh và Ban Tổ chức - Nội vụ về những nhiệm vụ trọng tâm cải cách hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của sở, ngành cần có sự phối hợp, đôn đốc, chỉ đạo liên ngành.

d) Tổ chức thực hiện.

đ) Dự toán kinh phí thực hiện kế hoạch cải cách hành chính năm 2019 trình Sở tài chính thẩm định báo cáo UBND tỉnh xem xét quyết định.

2. Ban Tổ chức - Nội vụ

a) Là cơ quan Thường trực công tác cải cách hành chính của tỉnh. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan hướng dẫn, đôn đốc, theo dõi, đánh giá, kiểm tra các sở, ngành, địa phương triển khai thực hiện Kế hoạch cải cách hành chính năm 2019 bảo đảm chất lượng, hiệu quả và yêu cầu, tiến độ quy định;

b) Đôn đốc các thành viên Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của tỉnh triển khai kế hoạch cải cách hành chính nhà nước năm 2019;

c) Tổng hợp, báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch theo quy định. Nghiên cứu, đề xuất với UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh và Ban Chỉ đạo cải cách hành chính tỉnh xử lý những khó khăn, vướng mắc của các sở, ngành, địa phương trong quá trình thực hiện kế hoạch cải cách hành chính. Tăng cường công tác kiểm tra, theo dõi, đánh giá và đề xuất các giải pháp đẩy mạnh triển khai thực hiện các nhiệm vụ trong kế hoạch;

d) Chủ trì triển khai các nội dung cải cách tổ chức bộ máy hành chính, cải cách công vụ, công chức;

đ) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu cho UBND tỉnh chỉ đạo các giải pháp trụ và thăng hạng bền vững Chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX), Chỉ số hài lòng (SIPAS); cải thiện và nâng cao Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh (PAPI);

e) Chủ trì triển khai xác định Chỉ số cải cách hành chính của các sở, ban, ngành; các cơ quan ngành dọc Trung ương tại tỉnh và UBND các huyện, thành phố; Chỉ số hài lòng của cá nhân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước;

f) Tổ chức bồi dưỡng, tập huấn cho cán bộ, công chức chuyên trách thực hiện công tác cải cách hành chính ở các sở, ngành, địa phương;

g) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương đẩy mạnh triển khai công tác thông tin, tuyên truyền cải cách hành chính;

h) Phối hợp với Sở Tài chính để lập dự toán kinh phí triển khai kế hoạch cải cách hành chính năm 2019.

3. Sở Tư pháp

a) Theo dõi, tổng hợp việc triển khai thực hiện nhiệm vụ cải cách thể chế;

b) Chủ trì triển khai nhiệm vụ đổi mới và nâng cao chất lượng công tác xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

4. Văn phòng UBND tỉnh

- a) Chủ trì triển khai nội dung cải cách thủ tục hành chính;
- b) Chủ trì xây dựng và hướng dẫn thực hiện phương pháp tính chi phí thực hiện thủ tục hành chính.

5. Sở Tài chính

- a) Chủ trì đổi mới cơ chế phân bổ ngân sách cho cơ quan hành chính nhà nước dựa trên kết quả hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước;
- b) Chủ trì đổi mới cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị sự nghiệp dịch vụ công;
- c) Chủ trì, phối hợp với Ban Tổ chức - Nội vụ thẩm định kinh phí thực hiện kế hoạch cải cách hành chính hằng năm của các sở, ban, ngành và UBND cấp huyện, UBND cấp xã, tổng hợp và UBND tỉnh xem xét quyết định; chủ trì hướng dẫn các sở, ban, ngành và UBND cấp huyện lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện Chương trình.

6. Sở Kế hoạch và Đầu tư

- a) Tiếp tục chủ trì và triển khai có hiệu quả Đề án cải cách cơ chế phối hợp trong quản lý và điều hành kinh tế vĩ mô;
- b) Chủ trì tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền quyết định nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) để thực hiện kế hoạch;
- c) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu cho UBND tỉnh chỉ đạo các giải pháp cải thiện và nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI).
- d) Chủ trì tham mưu xây dựng cơ chế chính sách khuyến khích đầu tư theo hình thức công - tư (PPP) đối với việc cung cấp dịch vụ công trong y tế, giáo dục - đào tạo, văn hóa, thể thao, các công trình dự án cơ sở hạ tầng.

8. Sở Thông tin và Truyền thông

- a) Chủ trì triển khai nội dung ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước;
- b) Chủ trì, phối hợp với UBND thành phố Hà Giang và các sở, ngành liên quan triển khai Đề án xây dựng đô thị thông minh thành phố Hà Giang;
- c) Phối hợp với Ban Tổ chức - Nội vụ, Văn phòng UBND tỉnh nhằm kết hợp chặt chẽ việc triển khai Chương trình quốc gia về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước giai đoạn 2016 - 2020 với Quyết định số 2183/QĐ-UBND ngày 26/10/2017 của UBND tỉnh phê duyệt kiến trúc chính quyền điện tử tỉnh Hà Giang ;
- d) Phối hợp với Ban Tổ chức - Nội vụ thực hiện Đề án tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền về cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2016 – 2020;
- đ) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu cho UBND tỉnh chỉ đạo các giải pháp cải thiện và nâng cao chỉ số sẵn sàng cho phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin (ICT INDEX);

e) Chủ trì đánh giá Chỉ số sẵn sàng cho phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin (ICT INDEX) các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thành phố.

f) Chủ trì tham mưu xây dựng cơ chế chính sách khuyến khích đầu tư theo hình thức công - tư (PPP) đối với việc cung cấp dịch vụ công trong y tế, giáo dục - đào tạo, văn hóa, thể thao, các công trình dự án cơ sở hạ tầng.

9. Sở Khoa học và Công nghệ

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Ban Tổ chức - Nội vụ đổi mới cơ chế tài chính cho hoạt động khoa học và công nghệ và cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các tổ chức khoa học và công nghệ công lập;

b) Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành và UBND cấp huyện triển khai thực hiện có hiệu quả Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước.

10. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính đổi mới cơ chế, chính sách xã hội hóa trong các hoạt động văn hóa, thể thao và du lịch.

11. Trường chính trị tỉnh

Chủ trì lồng ghép các nội dung cải cách hành chính vào các chương trình đào tạo, bồi dưỡng cho cán bộ, công chức, viên chức.

12. Phân xã Thông tấn xã Việt Nam tại Hà Giang, Đài phát thanh và Truyền hình Hà Giang, Nam, Cổng Thông tin điện tử UBND tỉnh, các cơ quan thông tin, báo chí Trung ương và địa phương

Xây dựng chuyên mục, chuyên trang về cải cách hành chính để tuyên truyền kế hoạch và phản hồi ý kiến của người dân, doanh nghiệp, các cơ quan, tổ chức về cải cách hành chính của các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các cấp.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Ban Chỉ đạo cải cách hành chính tỉnh, Ban Tổ chức - Nội vụ có trách nhiệm giúp UBND tỉnh theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện kế hoạch này.

Giám đốc các sở, ngành và tương đương, Thủ trưởng các cơ quan ngành dọc Trung ương tại tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Nội vụ;
- TTr Tỉnh ủy; TTr HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ban Chỉ đạo CCHC tỉnh;
- Ban Tổ chức - Nội vụ, Ban dân vận Tỉnh ủy;
- Các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh;
- Báo Hà Giang;
- Vnptioffice;
- Lưu: VT, KSTTHC.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Sơn